

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2018/DS-ST

Ngày: 30 - 11 - 2018

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Huệ

*Các Hội Thẩm nhân dân:*

1. Ông Hà Văn Châu

2. Ông Đào Khel

**-Thư ký phiên tòa:** Bà Hên Thị Hồng Xinh là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng** tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Tuyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2018/TLST-DS, ngày 02 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 247/2018/QĐXX-ST ngày 30 ngày 10 tháng 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 122/2018/QĐST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần S (gọi tắt là S1).

Trụ sở chính: Số A đường A1, Quận A3, Thành Phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo pháp luật:* Bà Nguyễn Đức Thạch D; Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Sĩ K, sinh năm 19XX, theo văn bản ủy quyền 443/2018/UQ-TTT ngày 04/4/2018 (ông K vắng mặt, nhưng ông K có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số B đường B1, phường B2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

**- Bị đơn:** Bà Tiêu Thị Tú A1, sinh năm 19XX.

Địa chỉ: Số T/6 (số nhà cũ là B1) đường B2, khóm B3, phường B4, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/4/2018 của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần S và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt vào ngày 30/11/2018, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Sĩ K điều trình bày:

Ngày 23/8/2012 bà Tiêu Thị Tú A1 có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng Thương mại cổ phần S (viết tắt là: Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của bà Tú A1 Ngân hàng đã đồng ý cấp 2 thẻ tín dụng (Visa Credit Classic 472074-6662 và thẻ Family Credit 970403-5022) với hạn mức sử dụng chung là 13.000.000 đồng.

Sau khi được cấp thẻ, bà Tú A1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 15.632.105 đồng (gồm thẻ Visa Credit Classic 472074-6662 là 4.632.105 đồng và thẻ Family Credit 970403-5022 là 11.000.000 đồng). Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Tú A1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 13.094.500 đồng (gồm thẻ Visa Credit Classic 472074-6662 là 3.333.500 đồng và thẻ Family Credit 970403-5022 là 9.761.000 đồng). Do bà Tú A1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 23/9/2014, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà Tú A1 và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn theo Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Sacombank. Tính đến ngày 15/12/2017 là 25.283.013 đồng cụ thể như sau:

Thẻ Visa Credit 472074-6662: Số nợ gốc là 4.566.825 đồng, lãi tồn đọng là 5.123.125 đồng (lãi suất áp dụng 3.225% ( $2.15\% \times 150\%$ )).

Thẻ Family Credit 970403-5022: số nợ gốc là 7.318.903 đồng, lãi tồn đọng là 8.274.160 đồng (lãi suất áp dụng 3.75% ( $2.50\% \times 150\%$ )).

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Tiêu Thị Tú A1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 29.268.463 đồng (trong đó: nợ gốc: 11.885.728 đồng và tiền lãi là: 17.382.735 đồng (lãi trong hạn là 11.612.200 đồng và tiền lãi quá hạn 5.770.535 đồng) và tiếp tục trả lãi cho đến khi trả dứt nợ.

- Ngân hàng đã giao nộp các tài liệu gồm Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các văn bản ủy quyền tham gia tố tụng của Ngân hàng; Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 23/8/2012, Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng; Bản tóm tắt sao kê đề ngày 30/11/2018 của khách hàng Tiêu Thị Tú A1.

- Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 23/8/2012 được chứng thực hợp pháp và bà Tú A1 không phản đối

những tình tiết, sự kiện, tài liệu mà Ngân hàng đã trình bày và giao nộp cho Tòa án.

\* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý vụ án số 85/TB-TLVA ngày 02 tháng 5 năm 2018, tổng đạt hợp lệ cho bà Tiêu Thị Tú A1, nhưng bà Tú A1 không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ 02 lần đối với bà Tú A1 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Tiêu Thị Tú A1 đều vắng mặt không có lý do, nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và cũng không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

\* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đều đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án tham dự phiên tòa là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **\* Về thủ tục tố tụng:**

[1] Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn là bà Tiêu Thị Tú A1 trả số tiền gốc, lãi còn nợ phát sinh từ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và Tiêu Thị Tú A1 có địa chỉ cư trú tại số T/6 (số nhà cũ là B1) đường B2, khóm B3, phường B4, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần A1 là ông Nguyễn Sĩ K và bị đơn Tiêu Thị Tú A1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, riêng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Nên Hội đồng

xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 và Khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên.

**\* Về nội dung vụ án:**

[3] Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần S yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng giải quyết buộc bị đơn Tiêu Thị Tú A1 phải trả cho Ngân hàng số nợ vốn vay còn lại của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 23/8/2012 và bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng) mà các bên đã ký kết với số tiền vốn vay còn nợ lại tổng cộng tiền vốn gốc và tiền lãi là 29.268.463 đồng, trong đó: nợ gốc: 11.885.728 đồng và tiền lãi là: 17.382.735 đồng (tiền lãi trong hạn là 11.612.200 đồng và tiền lãi quá hạn 5.770.535 đồng) và tiếp tục trả lãi cho đến khi trả dứt nợ.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng: Theo hợp đồng tín dụng (gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 23/8/2012, Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) và tình tiết, sự kiện do Ngân hàng cung cấp; sự không phản đối của bà Tiêu Thị Tú A1, căn cứ Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xác định bà Tú A1 đã vay Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng ngày 23/8/2012 với hạn mức sử dụng 13.000.000 đồng; lãi suất trong hạn 1.92%/tháng, quá hạn 2.874%/tháng. Sau khi vay, bà Tú A1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 15.632.105 đồng và trả được 13.094.500 đồng. Do bà Tú A1 không trả tiền nên Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn lại thành nợ quá hạn từ ngày 23/9/2014; tính đến hết ngày 30/11/2018 bà Tú A1 còn nợ Ngân hàng tổng cộng 29.268.463 đồng, gồm 11.885.728 đồng tiền vốn, tiền lãi là 17.382.735 đồng (lãi trong hạn là 11.612.200 đồng và tiền lãi quá hạn 5.770.535 đồng).

[5] Do bà Tú A1 vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận tại các Điều 18, 19, 20, 22, 23, 24 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng nên việc Ngân hàng yêu cầu trả số tiền còn nợ nêu trên là có căn cứ và phù hợp với Khoản 1 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 11, khoản 7 Điều 16, điểm c khoản 2 Điều 24, điểm d khoản 1 Điều 25 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà Nước (đã được sửa đổi, bổ sung). Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng có cơ sở chấp nhận.

[6] Như đã phân tích ở trên đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng không phải chịu; bà Tiêu Thị Tú A1 phải chịu 1.463.423 đồng theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 92, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà Nước (đã được sửa đổi, bổ sung); Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

##### **1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S:**

Buộc bà Tiêu Thị Tú A1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 số tiền vốn gốc là 11.885.728 đồng và tiền lãi là 17.382.735 đồng (lãi trong hạn là 11.612.200 đồng và lãi quá hạn là 5.770.535 đồng). Tổng cộng tiền vốn và lãi là 29.268.463 đồng, còn nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 23/8/2012 và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần S1.

Kể từ ngày 01/12/2018, bà Tiêu Thị Tú A1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà bà Tiêu Thị Tú A1 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại cổ phần S1.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Tiêu Thị Tú A1 phải chịu là 1.463.423 đồng. Ngân hàng Thương mại cổ phần A1 không phải chịu; trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 632.000 đồng theo biên lai số 0001648 ngày 18/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

3. Ngân hàng Thương mại cổ phần S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà Tiêu Thị Tú A1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền

yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND Tp Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Tp Sóc Trăng;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Thị Kim Huệ**

